

VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN

音 圓



NAM MÔ BỔN SỰ THÍCH CA MƯU NI PHẬT

Tác Đại Chứng Minh

VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN

Tập-chủ chuyên-chú về đạo Phật, do Annam Phật-học-hội

(S. E. E. R. B. A.) xuất-bản.

Chủ-nhiệm: Hội-trưởng hội Annam Phật-học: S. E. ỨNG-BÀNG

Chủ-Bút: Giáo-lý kiêm-duyệt: Ông LÊ-ĐÌNH-THẨM.

Thơ-từ bài-vở, xin gởi cho:

Annam Phật-học-hội Tổng-trị-sự

Boîte postale N° 73 Huế.

Ngân-phiếu trả tiền báo, xin đề tên:

Ông PHẠM-QUANG-HOÀ

Tresor Huế.

Giá báo: 12 số = 2\$00; 6 số = 1\$10; mỗi số = 0\$20

Hội-viên hội Annam Phật-học muốn hưởng 25%/, xin do các Hội-trưởng tỉnh-hội gởi mua.

Các ngài muốn khảo-cứu triết-lý của đạo Phật,

Các ngài muốn biết rõ tâm-tánh của mình,

Các ngài muốn biết con đường tu-hành cho đến chỗ
hoàn-toàn,

Hãy luôn luôn đọc

VIÊN - ÂM NGUYỆT-SAN





PHẬT-GIÁO YẾU-ĐIỀM

(tiếp theo)

Hữu-lậu và vô-lậu

Trong đường tu của đạo Phật có nhiều từng bậc và thường chia ra những bậc hữu-lậu và những bậc vô-lậu. Lậu là những chỗ hổ như nhà dột, bình rạn, không kín đáo, không hoàn-toàn. Hữu-lậu là chỉ những bậc còn các đều sai lầm, không được hoàn-toàn giác-ngộ, còn vô-lậu là những bậc giác-ngộ, không còn các sự lầm-lạc.

Các sự lầm-lạc tuy nhiều nhưng có thể tóm lại trong hai đều là ngã-chấp và pháp-chấp.

Ngã-chấp là chấp có ta, hoặc chấp thân-thề là ta, cảm-giác là ta, tưởng-niệm là ta, hành-vi hay hay biết là ta, làm cho chia rẽ mình với người, tâm với cảnh, nhưn đó phát-sanh các quan-niệm, phân biệt thấy có thân có sở, thành có ưa có ghét, rồi do ưa ghét mà gây nghiệp chịu báo trong vô-lượng vô-số-kiếp.

Còn pháp-chấp là nhận các danh-tướng đối-đãi làm sự thực, nhưn đó thấy có trước sau, có xa gần, có to nhỏ, có lâu mau cho đến có vui có khổ, có thường có vô-thường, có sanh có diệt, có đồng có khác, có nhiệm có tịnh, làm cho tâm-niệm bị các tri-kiến hạn chế, không rõ tướng duyên-khỉ, không nhận tánh chơn-như.

Người tu hành hoàn-toàn bỏ được ngã-chấp thì thành A-la-hán, hoàn-toàn bỏ được pháp-chấp thì thành pháp-thân bồ-tát.

Những bậc ấy thì gọi là bậc vô-lậu, còn các bậc dưới và toàn-thề chúng-sanh thì đều gọi là hữu-lậu.

(còn nữa)

NHƠN-THỪA PHẬT-GIÁO

Nam-mô A-Di-Đà-Phật,

Hôm nay tôi xin giảng về Nhơn-thừa Phật-giáo.

Giáo-pháp của Phật chia ra làm năm thừa là : Nhơn-thừa, thiên-thừa, thanh-văn-thừa, duyên-giác-thừa, bồ-tát-thừa ; trong năm thừa ấy, nhơn-thừa là bước đầu mà ai ai cũng phải trải qua trước khi đi đến các bậc khác.

Thừa nghĩa đen là cỗ xe ; cỗ xe có thể đưa người từ chỗ này sang chỗ khác ; giáo-pháp của Phật cũng có thể đưa người từ từng-bực này sang từng-bực khác, nên gọi là Thừa.

Nhơn-thừa là cỗ xe của nhơn-loại, nhờ cỗ xe ấy loài người có thể tấn-hóa đến những từng-bực cao nhất của nhơn-loại về hai phương-diện phúc-đức và tri-huệ.

Những phương-pháp Phật dạy trong nhơn-thừa có thể tóm lại trong hai phép là phép tam-qui và phép ngũ-giới.

Tam-qui là tiếng nói tắt, nói cho đủ phải nói là tam-qui-y, nghĩa là ba thứ qui-y. Qui-y theo tiếng Phạn là nam-mô cũng có nhiều nghĩa, mà cái nghĩa dễ nhận nhất là xoay về nương dựa.

Chúng ta đã nhiều đời nhiều kiếp quên mất bản-tánh chơn-thường, cứ đeo-đuôi mãi theo vọng-niệm, trong bị thân-thể ràng-buộc, ngoài bị hoàn-cảnh sai-khiến, tạo ra các nghiệp lỗi-lầm, nên phải chịu luân-hồi khổ-não. Ngày nay chúng ta nhờ Phật từ-bi dạy bảo, biết mình đi lạc thì cần phải bỏ vọng-tưởng, quay về chơn-lý, nương theo chơn-lý mà bước tới thì mới chắc khỏi đọa-lạc. Song chơn-lý là tuyệt-đối, không thể phô-bày, không thể bàn-nghĩ, nên chúng ta chỉ có thể xoay về nương dựa với Phật, với Phật-pháp, với hiền-thánh tăng là ngôi tam-bảo làm tiêu-biểu cho chơn-lý

Phật là bậc giác-ngộ hoàn-toàn, đã nương theo chơn-lý tu-hành vô-lượng vô-số kiếp, nên đã chứng rõ toàn-thể toàn-dụng của chơn-lý, đoạn-trừ các điều ràng-buộc, các sự mê-lầm và đầy đủ vô-lượng vô-biên công-đức.

Lòng từ-bi của Phật thương-xót chúng-sanh như mẹ thương con, nếu chúng-sanh phát-tâm xoay về nương dựa với Phật thì chẳng khác người con hoang-dàng xoay về nương dựa với bà mẹ lạnh, quyết-định không còn sai-lạc được nữa. Đức Đại-thế-chí bồ-tát có dạy: Nếu chúng-sanh tưởng Phật nhớ Phật thì hiện-tiền hoặc đời sau quyết-định thấy Phật; cũng như trà ướp sen tất nhiên sẽ có mùi hương sen, chúng-sanh được thân-cận với Phật thì thế nào cũng tiêm-nhiễm được sự giác-ngộ, lo gì không chứng được thánh-quả.

Song muốn nhận hiểu Phật một cách rõ ràng, khỏi các điều dị-đoan mê-tín thì phải tham-học những lời Phật dạy, tức là tham-học Phật-pháp, rồi quyết-định nương theo Phật-pháp mà tu-trì thì mới tránh khỏi cái nạn lấy giả làm chơn, lấy tà làm chánh. Phật-pháp vô-lượng vô-biên, dầu những bậc thượng-cần thượng-trí cũng chưa dễ học hết. Nhưng chúng ta có thể học được đều gì thì thiết-hành đều ấy, như học được phép tam-qui ngũ-giới thì thiết-hành theo tam-qui ngũ-giới, học lý nhơn-quả thì thiết-hành theo lý nhơn-quả, học phép ly-dục thì thiết-hành theo phép ly-dục, học phép niệm Phật thì thiết-hành theo phép niệm Phật; dầu học ít mà có hành còn hơn học nhiều mà không tu-tập.

Cái núi vàng ngọc chánh-pháp mà Phật đã để lại cho chúng ta đó, chúng ta tùy sức lượm-lặt bao nhiêu thì giữ lấy mà dùng, dầu ít dầu nhiều cũng có thể làm cho chúng ta thoát khỏi các sự khổ-não.

Lại trong hàng đệ-tử của Phật, biết bao nhiêu ngài đã chứng quả-vị A-la-hán, quả-vị bồ-tát. Các vị này đã từng đem chỗ chứng-ngộ của mình mà sở-giải kinh-tạng, chỉ bày đạo-lý, chúng ta nên xoay về nương dựa nơi các ngài, nối bước theo các ngài trên đường giải-thoát, thì lo gì không được giác-ngộ.

Phép tam-qui, nghĩa là qui-y Phật, qui-y Phật-pháp, qui-y hiền-thánh-tăng, có hai phương-diện là phương-diện tiêu-cực và phương-diện tích-cực.

Về phương-diện tiêu-cực là như chúng ta thường tụng :

« Qui-y Phật, vĩnh bất qui-y thiên thần quỷ vật,
Qui-y Pháp, vĩnh bất qui-y ngoại-đạo tà-giáo,
Qui-y Tăng, vĩnh-bất qui-y tồn-hữu ác-đảng ».

Qui-y Phật, vĩnh-bất qui-y thiên thần quỷ vật, nghĩa là chúng ta đã quay về nương dựa với Phật là bậc giác-ngộ rồi thì quyết định không lúc nào còn nương dựa với những chúng-sanh chưa giác-ngộ như trời, như thần, như ma, như vật.

Chúng ta phát-nguyện như vậy chẳng phải có ý khinh rẻ các vị ấy đâu, chúng ta đã là đệ-tử Phật thì lúc nào cũng tu hạnh khiêm-tốn, dẫu đối với các bậc dưới mình còn phát-tâm kính-nể theo gương Ngài Thường-bất-khinh bồ-tát, huống nữa là đối với các bậc thần-thông trí-huệ hơn chúng ta nhiều, nhưng kính-nể là kính-nể chứ không qui-y, vì qui-y là tỏ lòng tin-cậy, mà lòng tin lúc nào cũng cần phải chuyên-chú mới được kết-quả mỹ-mãn ; đối với các vị ấy, chúng ta chỉ kính-nể trong khi gặp mặt, mà lòng chúng ta vẫn biết tin Phật là bậc giác-ngộ hoàn-toàn, chứ không hề tin-tưởng các vị ấy. Nhờ lòng tin chuyên-chú đó, chúng ta mới có thể chắc-chắn gặp Phật sau này, khỏi bị các vị kia kéo đi nơi khác.

Qui-y Pháp, vĩnh-bất qui-y ngoại-đạo tà-giáo, là xoay về nương-dựa với chánh-pháp Phật đã dạy, quyết không lúc nào qui-y với ngoại-đạo, với tà-giáo.

Ngoại-đạo là thế nào? Ý nghĩa hai chữ ngoại-đạo không phải in như người ta thường lầm-tưởng là những đạo khác với đạo của mình đâu. Đạo là đường tu chơn-chánh có thể đưa chúng ta đến chỗ giải-thoát giác-ngộ; vì vậy nên các lực độc-giac tự mình quán lý nhơn-duyên mà được giải-thoát, dầu không theo đạo Phật nhưng vẫn không phải là ngoại-đạo. Trái lại, những tín-đồ Phật-giáo không tu theo chánh-pháp của Phật đề đạt đến mục-đích giác-ngộ giải-thoát, thì đều có thể gọi là người ngoại-đạo. Ngoại-đạo có ý-nghĩa như vậy, nên phàm những phương-pháp tu-trì ra ngoài con đường tu chơn-chánh thì đều gọi là ngoại-đạo cả. Còn tà-giáo là những lời dạy tà-tây không đúng chánh-lý như những thuyết hiện-thân khoái-lạc làm cho loài người khinh rẽ đạo-đức và bị đọa-lạc. Chúng ta đã qui-y với chánh-pháp của Phật dạy thì chỉ tin theo lời Phật dạy mà thôi, chớ không nên tin càng tin quấy, làm cho quan-niệm phân-vân và sự tu-hành phải trở-nại.

Qui-y tăng, vĩnh-bất qui-y tồn-hữu ác-đảng, là đã xoay về nương-dựa với các bậc hiền-thánh-tăng thì không còn nương theo các bạn xấu, các đảng dữ. Bạn xấu là những người làm tổn-hại lòng tin chánh-đáng của chúng ta, làm tổn-hại lòng tu-hành chơn-chánh của chúng ta; như chúng ta đương chuyên tin Phật mà người bày chúng ta cúng thần, như chúng ta đương giữ giới mà người bày chúng ta phá giới thì những người ấy là người bạn xấu. Xem như vậy thì biết chẳng những trong thế-gian những người quyến rũ chúng ta chơi-bời chè-chén là người bạn xấu đã đánh mà chính các ông thầy bày vẽ chúng ta cúng sao cúng hạn, đốt giấy đốt kho cũng là người bạn xấu, vì đã bày vẽ cho chúng ta làm những điều trái với Phật-pháp.

Còn ác-dăng là những đảng dữ, kết bè kết lũ làm những sự dâm-dăng, làm những điều độc-ác.

Chúng ta đã qui-y với các bậc hiền-thánh-tăng thì không nên nương theo các bạn xấu, các đảng dữ ấy vì họ có thể làm cho chúng ta mất lòng tin-ngưỡng chơn-chánh, làm cho chúng ta trụy-lạc trong đường tội-lỗi.

Về phương-diện tích-cực của phép tam-qui là như chúng ta thường tụng:

«Tự qui-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thề-giải đại-đạo, phát vô-thượng tâm.

Tự qui-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm-nhập kinh-tạng, trí-huệ như hải.

Tự qui-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống-lý đại-chúng, nhất thể vô-ngại».

Tự qui-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thề-giải đại-đạo, phát-vô thượng tâm, nghĩa là tự mình đã qui-y với Phật thì nên nguyện cho tất cả chúng sanh đều rõ biết chánh-đạo rộng lớn của Phật và phát-tâm cầu nguyện được giải-thoát giác-ngộ. Cái tâm niệm ấy là cái tâm-niệm rất quý báu, rất lợi lạc, trên tất cả các tâm niệm khác.

Tự qui-y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm-nhập kinh-tạng, trí-huệ như hải, nghĩa là tự mình đã qui-y theo pháp thì nên nguyện cho tất cả chúng sanh đều hiểu thấu kinh tạng để trí-huệ mở-mang rộng-lớn như biển.

Tự qui-y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống-lý đại-chúng, nhất thể vô ngại, nghĩa là tự mình đã qui-y với hiền-thánh-tăng thì nên nguyện cho tất cả chúng-sanh đều đủ sức chỉ dạy, sắp đặt, coi ngó quần chúng

trong đường tu-hành, không còn điều gì ngăn-ngại được. Vậy những hàng chơn-chánh Phật-tử đã qui-y tam-bảo phải hoằng dương chánh - pháp, khuyên - bảo mọi người qui-y tam-bảo để cho cái bản-nguyên của mình được viên-mãn.

Người theo phép tam-qui về phương-diện tiêu-cực thì được lợi ích về phần tự-giác, về phần trí-huệ. Người theo phép tam-qui về phương-diện tích-cực thì được lợi-ích về phần giác-tha, về phần phước-đức.

Đối với người tu-hành muốn lên đến quả Phật thì phước-đức và trí-huệ cũng ví như hai cái cánh, nếu chích một cánh thì không thể bay xa được. Xem như vậy thì biết trong Phật-pháp đầu là bước đầu tiên cũng làm cho người tu-hành đủ các phước-đức và trí-huệ, cũng có thể đưa người đến tầng bậc cao xa, chớ không phải hạn chế trong nghiệp người mà thôi, đó là cái đặc-điểm làm cho Phật-pháp khác hẳn với các ngoại-đạo.

Còn ngũ-giới là năm điều ngăn cấm, năm điều ấy là những điều dữ rất tổn-hại cho sự tu-hành, nên Phật dạy các tín-đồ cần phải phát-nguyện tự giữ mình đừng phạm đến.

Giới thứ nhất là giới bất-sát-sanh, nghĩa là giữ mình không sát hại các loài hữu-tình, đồng một lòng tham sống sợ chết như mình. Giới thứ hai là giới bất-thâu-đạo nghĩa là không trộm lấy của cải người khác. Giới thứ ba là giới bất-tà-dâm nghĩa là tự rằng mình không được ngoại tình. Giới thứ tư là giới bất-vọng-ngữ nghĩa là tự rằng mình không được dối-trá, nhất là khi mình chưa ngộ, mà đã nói là ngộ, khi mình chưa chứng mà đã nói là chứng. Giới thứ năm là giới bất-âm-tửu nghĩa là tự rằng mình không uống rượu vì rượu có thể làm cho tinh-thần tán-loạn và xui dục làm đều tội lỗi. Năm giới ấy, trong nhiều kỳ đã giảng rồi,

nay chúng tôi xin lược, song chúng tôi xin nhắc lại rằng sự tri-giới rất cần-yếu cho người tu-hành. Dầu cho vì nghiệp chướng không giữ trọn năm giới thì ít nữa cũng phải phát-nguyên giữ trọn một giới, chớ nếu để tâm phóng túng không giữ một giới nào thì khó bề tránh khỏi truy-lạc.

Nam-mô bốn-sur Thích-Ca Mâu-Ni Phật,

Nhơn-thừa Phật-giáo chỉ cốt nơi phép tam-qui ngũ-giới, giữ theo tam-qui chắc-chắn thì giữ được chánh-niệm, trì ngũ-giới vững-vàng, thì tránh được tội ác, chẳng những quyết định về sau không đọa lạc tam-đồ mà hiện-tiền cũng có thể đào-tạo hạnh-phúc cho Nhơn-loại. Vẫn biết đường tu còn dài nhưng tu theo Nhơn-thừa Phật-giáo đã là bước một bước khá dài trên đường giải-thoát.

Nếu trong lúc tu theo Nhơn-thừa Phật-giáo lại có niệm Phật và nguyện về tịnh-độ thì quyết-định được Phật tiếp-dẫn về cõi Cực-Lạc. Ở giữa đời không có việc gì khó, cốt phải có chí cương-quyết, mà muốn có chí cương-quyết thì phải rèn đức lòng tin cho chắc-chắn.

Chúng tôi trông mong toàn-thể thánh-giả nương theo phép tam-qui mà rèn đức lòng tin cho vững-vàng thì việc giữ giới niệm Phật là việc dễ-dàng quyết-định phải làm được, mà làm được hai việc ấy thì quyết-định được vãng-sanh về tịnh-độ, công quả về sau sẽ vô-biên vô lượng.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT.



ĐẠI-Ý KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

(tiếp theo)

Phật dạy triền-phục và giải-thoát không hai.

Ông A-Nan tuy nhờ Phật dạy, biết hiện thân có tánh chơn-thường nơi sáu căn, nhưng tự xét phàm muốn dứt trừ cội-gốc phiền-não chứng tánh viên-thường trước cần phải phân-biệt nguồn-gốc triền-phục một cách rõ-ràng rồi mới mong gỡ ra các điều triền-phục và được giải-thoát. Cũng như một người bị trói, muốn mở trói thì cốt phải biết đầu gút ở chỗ nào, chớ nếu không biết đầu gút, dằng bậy kéo càng thì chỉ thêm nhọc-nhân mà rốt cuộc không thể mở trói. Hiện ông A-Nan và đại-chúng cũng vậy, tuy nhận hiểu tâm-tánh, nhưng thói quen mê-lắm nhiều đời nhiều kiếp vẫn đồng sanh đồng diệt với tâm-niệm, nên đầu giải-ngộ Phật-pháp mà vừa giác đã mê, chưa được giải-thoát, như người đau rét cách ngày, đầu không đau luôn nhưng thiệt chưa lúc nào lành mạnh hẳn.

Nhơn đó ông A-Nan và đại-chúng xin Phật từ-bi khai-thị cho biết nguồn-gốc triền-phục của thân-tâm hiện ở nơi nào? và do đâu trừ hết triền-phục và được giải-thoát?

Phật thương-xót đại-chúng và tất cả chúng-sanh trong đời vị-lai, muốn chỉ rõ chỗ bí-yếu trong đường tu-hành Phật-pháp nên lấy tay sờ đầu ông A-Nan, phát-hiện thần-lực làm rung-động cả vũ-trụ và làm cho đại-chúng thấy thập-phương chư Phật đồng phóng hào-quang từ các thế-giới đến rừng Kỳ-Đà, rọi trên đỉnh đức Phật Thích-Ca, tỏ rằng các đức Phật đồng một chánh-đạo, đồng một

đại-Phật-đảnh Thủ-Lăng-Nghiêm tam-muội, không hai không khác. Đại-chúng lại nghe thập-phương chư Phật đồng dạy một lời rằng: « A-Nan, ông muốn biết cái cu-sanh vô-minh làm cho ông bị ràng-buộc trong đường luân-hồi sanh-tử thì nó chỉ là sáu căn của ông chứ không phải vật gì khác; ông lại muốn biết cái vô-thượng bồ-đề làm cho ông an-vui diệu-thường thanh-tịnh thường-trú như chư Phật thì nó cũng chỉ là sáu căn của ông, chứ không phải vật gì khác ».

Thập-phương chư Phật dạy như vậy cốt để ông A-Nan nhận biết cội-gốc mê-làm nơi hiện-tại, đừng lanh-quan lẫn-quản tìm đầu giây mối nhợ nơi khác. Chư Phật dạy chính sáu căn hiện-tiền là cu-sanh vô-minh, và cũng chính vì nó là cu-sanh vô-minh nên nó cũng tức là vô-thượng bồ-đề, như giá tức là nước, nước tức là giá, không có sai khác.

Vô-thỉ vô-thỉ, chúng-sanh theo giống sanh-diệt, bỏ tánh viên-thường, đắm-chấp sanh ra phiền-não mê-làm nên không phải căn cũng gọi là căn, không phải trần cũng gọi là trần, không phải thức cũng gọi là thức, mà không nhận toàn-thể các pháp đồng là như-lai-tạng-tánh. Nếu chính nơi căn trần thức ấy, chúng-sanh nhận rõ các pháp đều duyên nhau mà phát-khởi, không có sai khác, thì toàn-thể đều tức là tánh diện-chơn-như của như-lai-tạng. Hễ chính chỗ mê mà hết mê thì tức là ngộ, không cần tìm đầu xa nữa.

Do đó nên pháp nào cũng là cu-sanh vô-minh, pháp nào cũng là vô-thượng bồ-đề; miễn nơi một pháp, nhận được cái mê mà bỏ đi thì tức là giác; mà đã giác thì toàn-thể các pháp, đầu căn, đầu trần, đầu thức, đều là như-lai-tạng-tánh, không sai không khác.

Song đối với ông A-Nan là bực đa-văn, đối với chúng-sanh ở cõi Ta-Bà, đem tánh nghe mà lãnh-thọ Phật-pháp, thập-phương chư Phật tùy-duyên hóa-độ mà chỉ pháp duy-căn; thiết ra duy-căn duy-trần, duy-thức, đều tức là như-lai-tạng-tánh.

Ông A-Nan chưa rõ lý duy-căn, nhờ Phật từ-bi khai-thị thì Phật dạy rằng: « Sáu căn sáu trần đồng một nguồn như-lai-tạng-tánh tùy-duyên diễn-hiện; chúng-sanh không biết là đồng một như-lai-tạng-tánh, vọng-chấp căn là năng-tri, trần là sở-tri, sanh ra phân-biệt chấp-trước thì gọi là ràng-buộc; các đức Như-Lai rõ được căn trần đồng một Như-lai-tạng-tánh, không chấp căn là năng, trần là sở, chính nơi phân-biệt của chúng-sanh mà nhận thấy thiết không có phân-biệt thì gọi là giải-thoát; nhưng dầu giải-thoát, dầu ràng-buộc cũng không ngoài như-lai-tạng-tánh nên cũng không hai không khác.

Xét cho kỹ thì căn và trần đối-đãi với nhau mà thành, ngoài căn có gì đáng gọi là trần, ngoài trần có gì đáng gọi là căn thì căn và trần đều không tự-tánh, đều như huyền như hóa, không phải thiết có, chỉ do như-lai-tạng bất-biến tùy-duyên mà phát-khởi. Căn và trần đã không thành năng thành sở thì cái thức nương theo căn trần mà phát-hiện, quyết không phải thiết có và cũng chỉ là như-lai-tạng-tánh.

Song như-lai-tạng-tánh bất-biến tùy-duyên hiện ra căn trần thức, vẫn không có gì đáng chia-rẽ phân-biệt; vậy cái thức phân-biệt vốn là hư-vọng như hoa-đốm giữa hư-không. Biết căn và trần đối-đãi thành-lập như hình lau gát nhau, như huyền như hóa thì nhận được cái thức phân-biệt là hư-vọng và toàn-thê các pháp đều tức là sự tùy-duyên biến-hiện của như-lai-tạng-tánh.

Vậy nếu chính nơi tri-kiến tùy-duyên biến-hiện ấy lập ra có năng-minh, sở-minh thì tức là cội-gốc vô-minh; còn nếu nơi tri-kiến ấy mà không có phân-biệt, không có năng, sở thì tức là thanh-tĩnh Niết-bàn; vô-minh cũng nơi ấy, Niết-bàn cũng nơi ấy, triền-phược cũng nơi ấy, giải-thoát cũng nơi ấy, đâu phải có điều gì khác ».

Về sau đức Thế-Tôn đọc một bài kệ đề nói ại nghĩa ấy cho rõ. Bài kệ này tóm-tắt diệu-lý của toàn bộ kinh Thủ-Lăng-Nghiêm nên cũng có thể gọi là câu chú Thủ-Lăng-Nghiêm của hiền-giáo.

Bốn câu kệ đầu :

« Nơi chơn-tánh, hữu-vi là không,
Vi duyên sanh nên in như huyền,
Vô-vi vi không sanh không diệt,
Chẳng thiết như hoa-đốm hư-không »,

cốt chỉ rõ rằng chơn-tánh của các pháp hữu-vi và vô-vi là không thiết có.

1) Pháp hữu-vi tức là chơn-không, vi là duyên-sanh nên in như các đồ huyền.

2) Pháp vô-vi cũng chẳng thiết vì nó không sanh không diệt như hoa đốm giữa hư-không.

Pháp hữu-vi gồm cả các pháp thế-gian, pháp vô-vi gồm cả các pháp xuất-thế-gian, thì đủ rõ các pháp đều không tự-tánh.

Hai câu kệ sau :

« Nói vọng đề chỉ rõ cái chơn,
Vọng chơn ấy, cả hai đồng vọng »,

cốt đề chỉ rõ chơn-tánh mà Phật đã dạy đó là chơn-tánh tuyệt-đối, chớ đối với vọng mà nói là chơn thì cái chơn ấy cũng là pháp đối-đãi; mà đã là pháp đối-đãi thì chẳng những vọng là vọng, mà cái chơn ấy cũng là vọng nữa.

Còn bốn câu sau nữa :

«Còn không phải chơn với phi-chơn,
Làm sao có năng-kiến sở-kiến,
Thức ở giữa không có thật-tánh,
Vậy in như hình lau gát nhau»,

cốt chỉ rõ diệu-chơn-như-tánh là tuyệt-đối, còn không phải là chơn hay phi-chơn, sao còn có được cái căn năng-kiến và cái trần sở-kiến ; nội căn ngoại trần đã không thì cái thức chặn giữa cũng không, tất cả đều không thiệt tánh như hình lau gát nhau, tuy in tuồng có hình-trạng, nhưng một cây lau lay-động đã thay-đổi hình khác, không có gì là chắc-thật.

Sáu câu kệ sau :

«Cột và mở đồng một sở-nhơn,
Thánh và phàm không có hai đường ;
Ông hãy xét tánh bình lau gát,
Đâu phải là có hay là không,
Mê-mờ đó tức là vô-minh,
Phát-minh ra liền được giải-thoát».

cốt chỉ rõ là căn, trần, thức đã không tự-tánh thì dầu ràng-buộc hay giải-thoát cũng đồng nhơn nơi ấy, và dầu thánh hay phàm cũng không phải hai đường. Thử xét lại cái tánh của hình lau gát nhau : nói rằng không thì rõ rõ ràng ràng, mà nói rằng có thì lấy gì làm thiệt có ; không phải có, không phải không, tức là lý trung-đạo. Mê-mờ cái lý ấy, chấp là có, chấp là không thì bị ràng-buộc, thì gọi là vô-minh ; phát-minh cái lý ấy, ra ngoài các sự có không, thì tức là giải-thoát. Vô-minh là phàm, giải-thoát là thánh ; nhưng phàm dầu mê, chơn-tánh cũng không bớt ; thánh dầu ngộ, chơn-tánh cũng không thêm ; chơn-tánh vẫn y-nguyên, không hề sai-khác.

Trong bốn câu sau :

«Mở gút phải nhơn theo thứ lớp,
Mở cả sáu thì một cũng quên,
Nơi căn lựa chơn-tánh viên-thông,
Nhập-lưu thì thành bậc Chánh-giác ; »

Phật chỉ dạy tuy chơn-tánh không hề sai-khác mà đã có cột tức phải tu-hành phương-tiện mà mở ; về lý tuy có thể ngộ liền, về sự thì phải tuần-tự mà bước tới, cứ theo thứ lớp mà mở lần, từ lớp thô-phù cho đến lớp vi-tế ; mở được cả sáu là hết vọng, quên luôn cái một là không chơn ; chính nơi sáu căn nhận cho được tánh viên-thông, tức là vào được giòng pháp-tánh mà thành bậc Chánh-giác,

Về bốn câu sau nữa :

«Thức-Đà-Na vi-tế khó nhận,
Giống tập-khí thành giòng nước giốc,
E mê là chơn hay phi-chơn,
Nên ta thường chẳng khai-diễn đến»,

Phật chỉ cho rõ đệ-bát a-đà-na-thức, huân-tập về các vọng-tướng đã lâu đời, cần phải nương theo chánh - pháp, luôn luôn khởi các chánh-niệm để đối-trị các tập-khí hư-vọng, mới chắc được giải-thoát ; nên tuy về lý có thể ngộ liền mà về sự phải lần lần tu-tập mới được. Đệ-bát-thức chấp-trị tất cả các chủng-tử, biến-hiện tất cả các pháp, viên-dung cùng khắp, không phải ngã mà tức là tâm, không phân-biệt mà thiết có biết, nên Phật ít khi khai-diễn đến, vì e chúng-sanh mê là chơn-tâm mà không đối-trị các tập-khí hư-vọng, hoặc mê là vọng-ngã mà bỏ hẳn đi tìm nơi khác. A-đà-na-thức cũng như giòng nước, tất cả các pháp cũng như sóng, chơn-tánh cũng như tánh nước ; nói là chơn thì chính nó là cội-gốc sanh-tử, chính nó hiện đương sôi-nổi các sóng hư-vọng ; nhưng nói là phi-chơn thì ngoài giòng nước ra, tìm sao choặng tánh nước !

Năm câu sau :

«Tự-tâm trở chấp lấy tự-tâm,
Tánh phi-huyền mới thành pháp-huyền,
Không chấp trước thì không phi-huyền ;
Phi-huyền mà còn không sanh thay,
Pháp-huyền làm sao an-lập đặng ! »

cốt chỉ rõ tuy đương mê cần phải tu-tập, nhưng thiết ra chơn-tánh dĩ-nhiên, chỉ vì tự-tâm trở lại duyên lấy tự-tâm mà cho là ngoại-cảnh, nên bản-tánh phi-huyền mới thành các sự-vật huyền-hóa. Nếu người tu-hành rõ biết hết thấy các pháp đều không tự-tánh, đều là như-lai-tạng-tánh, không sanh chấp-trước thì còn không sanh cái tướng phi-huyền thay, huốn nữa còn lập được những pháp huyền-hóa.

Trong bảy câu kệ sau :

«Ấy gọi như-huyền tam-ma-đề,
Bảo-giác chắc như Kim-Cang-Vương,
Không nhiễm-tịnh như Diệu liên-hoa ;
Gãy móng tay vượt hàng vô-học ;
Cái pháp không gì so-sánh ấy,
Là đường vào Niết-Bàn duy-nhất
Của các đức Thế-Tôn mười phương ».

Phật chỉ danh-hiệu và diệu-dụng của pháp Thủ-Lăng-Nghiêm Tam-Muội. Pháp ấy gọi là Như-huyền tam-ma-đề; lấy tánh như-huyền mà gồm tóm tất cả các pháp hữu-vi và vô-vi, an-trú nơi trung-đạo, nên gọi là như-huyền tam-ma-đề. Pháp ấy tức là diệu-tri bác-nhã, cứng chắc như Kim-Cang-Vương, đựng cái hữu thì cái hữu tan, đựng cái không thì cái không mất, nên gọi là Kim-Cang-Vương. Bửu-giác. Lại Pháp ấy không an-trú nơi hữu-vi,

không an-trú nơi vô-vi, không có nhiễm-tính, như hoa sen sanh dưới bùn mà không dính bùn, nên gọi là diệu-liên-hoa. Tu theo pháp ấy không dọa sanh-tử, không lạc nhị-thừa nên gãy móng tay đã vượt biết Phật-tánh trên các bậc vô-học A-La-Hán. Pháp ấy là cái pháp tuyệt-đối, không thể so-sánh và không có gì so-sánh, là con đường độc-nhất vào cửa Niết-Bàn của Thập-phương chư Phật; ngoài cái pháp trung-đạo ấy ra, quyết-định không thể thành được quả Phật.

(còn nữa)



KÍNH CÁO

Các tỉnh hội An-Nam Phật-Học và các hội - viên, muốn in giấy-má, sô - sách hoặc xuất - bản sách Phật, nhà - in Mirador "Vien-De" sẽ tính giá riêng.

KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

DIỄN-NGHĨA

(tiếp theo)

Khi bấy giờ ông A-Nan và cả đại-chúng nghe lời từ-bi dạy về vô-thượng của Phật, các câu kệ-tụng, tinh-túy xen-lộn, đạo-lý trong-suốt, nên tâm-trí khai-ngộ, đồng tán-thán là pháp chưa từng có.

Ông A-Nan chấp tay dâng lễ bạch Phật: «Tôi nay nghe được các câu pháp chơn-thật, vô-giá đại-bi, tánh tịnh diệu-thường của Phật, song tâm tôi còn chưa rõ thứ-lớp mở gút trong khi mở cả sáu mà quên cái một, xin Phật từ-bi thương-xót cả trong Hội này và những kẻ tương-lai, bố-thi cho pháp-âm đề rửa sạch chỗ cấu-nhiễm trầm-trọng của chúng tôi».

Liền khi ấy, đức Như-Lai, nơi Sư-Tử-tọa, sửa áo Niết-Bàn-tăng, kéo áo Tăng-già-Lê, vịn ghế Thất-Bảo, đưa tay nơi ghế, lấy cái khăn bông của cõi trời Kiếp-Ba-La cúng cho Ngài, rồi ở trước đại-chúng cột thành một gút đưa cho ông A-Nan xem và bảo rằng: «Cái này gọi là gì?» Ông A-Nan và cả đại-chúng đều đáp: «Cái ấy tên là cái gút». Khi ấy đức Như-Lai cột thêm cái khăn bông kép ấy thành một gút nữa rồi lại hỏi ông A-Nan: «Cái này gọi là gì?» Ông A-Nan và đại-chúng lại bạch Phật rằng: «Cái ấy tên là cái gút». Phật tuần-

tự cột cái khăn bông như vậy tóm thành sáu gút ; mỗi khi cột thành một gút đều đưa cái gút vừa cột thành trong tay đó hỏi ông A-Nan : « Cái này gọi là gì ? » thì ông A-Nan và trong đại-chúng đều thứ lớp đáp lại câu hỏi của Phật như trước rằng : « Cái ấy tên là cái gút ».

Phật bảo ông A-Nan : « Trong lúc tôi bắt đầu cột khăn thì các ông gọi là cái gút ; cái khăn bông kép này trước thiết chỉ một cái, có sao lần thứ hai, lần thứ ba, các ông cũng gọi là cái gút ? »

— Thưa Thế-Tôn, cái khăn thêu dệt bông kép quý-báu này tuy vốn một thề nhưng theo ý tôi suy-nghĩ, hễ đức Như-Lai cột một lần thì được gọi là một gút, nếu cột một trăm lần thì tóm lại phải gọi là trăm gút ; huống chi cái khăn này chỉ có sáu gút, không lên đến bảy, không dùng nơi năm, làm sao đức Như-Lai chỉ cho lần cột ban đầu là gút, còn lần thứ hai lần thứ ba lại không gọi là gút ? »

Phật bảo ông A-Nan : « Cái khăn bông sáu này, ông biết khăn này vốn chỉ một cái mà khi tôi cột sáu lần thì gọi là có sáu gút. Ông hãy xem-xét cho kỹ : bản-thề cái khăn là đồng, như các gút mà thành có khác. Ý ông nghĩ thế nào ? Khi cái gút ban đầu mới cột thành thì gọi là cái thứ nhất, cứ như vậy mãi cho đến khi cột gút thứ sáu, nay tôi muốn đem cái tên gút thứ sáu làm thành gút thứ nhất có đáng chăng ? »

— Thưa Thế-Tôn, không phải vậy ; nếu còn sáu gút thì cái tên thứ sáu rất cuộc không phải là thứ nhất ;

đầu cho tôi hết sức biện-bạch suốt đời cũng không thể làm cho sáu gút đổi tên dạng ».

Phật dạy : « Như vậy là phải. Sáu gút chẳng đồng, song xét lại bõn-nhơn vẫn một cái khăn tạo ra, mà muốn khiến nó xáo-lộn, rồi cuộc không thể thành dạng. Sáu căn của ông cũng in như vậy, trong chỗ rối-ráo đồng nhau, sanh ra rối-ráo khác nhau ».

Phật bảo ông A-Nan : « Nay ông chắc đã muốn sáu gút ấy không thành-lập và ưa cầu thành lại một, thời làm thế nào cho dạng ? » Ông A-Nan bạch : « Các gút ấy nếu còn thì thị-phi sôi-nổi, trong đó tự sanh ra gút này không phải gút kia, gút kia không phải gút này. Nếu ngày nay đức Như-Lai mở trừ hết, nếu không sanh gút thì không có bỉ-thử, còn không gọi là một, làm sao thành được sáu ? »

Phật dạy : « Cái pháp mở sáu quên một cũng in như vậy ; do từ vô-thĩ, tâm-tánh ông điên-loạn, tri-kiến vọng phát ra, phát mãi hư-vọng không thôi, làm cho tri-kiến rối-động phát ra trần-tướng, cũng như trông con mắt mỗi-một thì có hoa đốm lằng-xăng không như gì loạn-phát ra giữa hư-không trong-suốt yên-lặng. Vậy hết thấy trong các thế-gian, nào núi sông đất liền, nào sanh-tử Niết-Bàn đều tức là những tướng hoa-đốm điên-đảo trong tánh cuộn-lảo ».

(Còn nữa)



Trả lời thư hỏi về « Sự-thích hoàng-Tử Vessantara » của một đạo-hữu thiệt - hành hội - viên ở Chi - hội Bình-Sơn

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Đáp lại thư hỏi của đạo-hữu về sự-thích Hoàng-Tử Vessantara, xin nhắc lại đạo-hữu hay rằng, trí-huệ của Phật sâu-xa khó hiểu, không thể nghĩ-nghĩ; phương-tiện của Phật tùy cơ mà thí-pháp không thể lấy tâm-trí thông-thường chúng ta mà đo-lường được, vậy những chỗ chúng ta thiệt nhận hiểu thì cứ tin mà cố gắng làm theo, Những chỗ chúng ta khó nhận hiểu thì nên gắng suy-xét để thấu-hiểu; dầu không thể thấu-hiểu cũng nên tin nơi trí-huệ phương-tiện của Phật, chỉ không nên làm theo vì sợ e không đúng bản-ý của Phật.

Trong hàng Phật-tử, người chỉ tin những chỗ mình xét là đúng lý thì chỉ tin pháp mà chưa tin Phật. Người chỗ nào cũng tin, cũng nói theo, làm theo mà không suy-xét nghĩa-lý thì chỉ tin Phật mà chưa tin pháp. Duy có người, chỗ nhận hiểu thì tin và làm theo, chỗ chưa nhận hiểu thì tin mà không dám làm theo thì mới thật tin Phật và tin pháp.

Trong các kinh Phật dạy, làm chỗ sâu-xa mẫu-nhiệm, không thể nói được, không thể nghĩ tới; chúng ta chỉ nên xem Phật-pháp như một hòn núi báu, sức chúng ta

thấy được bao nhiêu thì lượm lấy bấy nhiêu mà thôi, chớ không nên vì những chỗ khó hiểu mà sanh lòng nghi-hoặc.

Về sự bố-thí của Hoàng-tử Vessantara, xuất-xứ chắc ở trong kinh Phật-bồn-sanh, nhưng tôi chưa có dịp tìm coi tường-tận; duy có thấy trong các luận có dẫn sự-tích ấy thì trong sự-tích đã có nói rõ: Hoàng-tử sẵn lòng bố-thí và được vua cha cho phép tùy ý bố-thí tất cả sở-hữu trong kho-tàng của vua (chúng ta nên nhớ rằng: trong thời kỳ ấy, nước tức là tư-hữu của vua). Nhơn được vua cho phép, Hoàng-tử mới bố-thí tất cả quốc-bảo cho đến cho cả voi chiến cho nước khác. Khi cho voi chiến, quân-thần sanh lòng bất-bình nên vua phải đày Thái-Tử.

Việc cho voi chiến ấy in tuồng có nguy-hiềm cho nước nhà, nhưng sự thật thì lúc ấy vẫn không xảy ra tai-họa gì. Thái-tử Vessantara là bậc bồ-tát, thật rõ nhơn-quả tương-tục một cách đúng - đắn, nên việc cho voi chiến không phải ngẫu-nhiên mà có lẽ vì ngài xét người trong nước, có voi chiến ấy, sanh lòng kiêu-mạn, há biếp lân-quốc, làm cho lân-quốc lo sợ, nghi-ky, bức-tức và trở thành cừu-dịch,

Một lân-quốc thành cừu-dịch thì chưa hại mấy, lân-quốc bốn phía đều thành cừu-dịch thì phỏng một con voi chiến có giữ nổi nước nhà không?

Ngài cho một con voi chiến mà làm cho trong nước không ỷ mạnh hiếp người, làm cho lân-quốc tin-cậy và yêu-mến, không sanh sự bất-hòa, thì hạnh-phúc cho nước biết là ngần nào! Tiếc vì quân-thần không thấy đến chỗ đó nên mới yêu-cầu vua cha đày Hoàng-tử.

Ở giữa đời, trong khi « đặc mã thất mã », mấy người giữ được đặt-quan mà suy-xét, họ chỉ thấy lợi hiện-tiền mà không thấy hại tương-lai, trách nào quân-thần không than-phiền Hoàng-tử.

Chuyện nàng My-Châu vì tình mà làm quấy và chuyện Hoàng-tử Vessantara nhận rõ nhơn-quả mà dựng nền hòa-bình, hai việc đó khác nhau như trời như vực, không thể so-sánh.

Đến như việc cho vợ cho con là vì Hoàng-tử thấy một thầy Bà-la-môn già cả không người giúp đỡ, nên sẵn lòng cho vợ con theo đời chăm sóc. Về việc này, trong sự-tích không nói rõ, nhưng chắc bà vợ hiền của Hoàng-tử cũng sẵn lòng hành-thiện, theo chí hy-sanh của chồng, chớ chính trong kinh Ưu-Bà-tất-giới, Phật dạy cần phải được vợ con bằng lòng mới làm việc bố-thí huống chi bố-thí vợ con mà không hỏi ý-kiến người đương-cuộc.

Mấy lời bàn-giải như trên, chắc đạo-hữu đã rõ thâm-ý của Hoàng-tử rồi ; tiếc người công-bố sự-tích không chú-thích cận-kế đến nỗi hàng sơ-tâm phải sanh lòng nghi-hoặc.

Sau này xin kính chúc đạo-hữu bồ-đề kiên-cố



Theo lời yêu-cầu của anh em hướng-đạo
Thần-Kinh, tỉnh hội Thừa-Thiên đã làm

LỄ CẦU-HỒN CHO CỤ BADEN POWELL

SAU ĐÂY LÀ BÀI DIỄN-VĂN ĐỌC TRONG LÚC LÀM LỄ

Anh em Hướng-đạo-sinh,

Hôm nay nhơn ngày sinh-nhật của Cụ Baden Powell là người sáng-lập môn hướng-đạo cho thanh-niên hoàn-cầu, anh em đã tề-tụ đến chùa Từ-Đàm này thiết lễ cầu-siêu cho Cụ. Chúng tôi rất hoan-hỷ tán-thán. Cái cử-chỉ ấy, chẳng những đã tiêu-biểu lòng hiếu-ngĩa anh em hướng-đạo thần-kinh đối với một bậc tôn-trưởng quá-vãng, mà lại còn tỏ tín-tâm anh em đối với Phật-giáo là một tôn-giáo nền-tảng của dân-tộc ta.

Lễ thường, tin theo một tôn-giáo, chính là nhận rằng ngoài cái đời bất-thường thiên-tiện này còn những cảnh-giới thanh-siêu bất-hủ, ta trông mong sẽ đạt đến ở đời này hoặc ở kiếp sau.

Nay chúng ta đến đây một lòng cầu-siêu cho Cụ Baden Powell, ấy là vì chúng ta tin rằng công-đức Cụ đã làm cho Cụ vượt hẳn cõi đời ngũ-trược, và thành-tâm cầu-nguyện của chúng ta sẽ giúp tinh-thần Cụ hưởng sự tiêu-diêu cực-lạc. Cái cử-chỉ của anh em rõ thích-hợp với một pháp-môn quan-trọng trong Phật-giáo đó vậy.

Nhưng anh em đến đây, lại còn biết bao ý-ngĩa nữa.

Ai sẵn hiểu nhà tu Phật cho bằng anh em hướng-đạo? Cứ luật nhơn-quả luân-hồi của Phật dạy mà xét, dù hiểu luật ấy theo khoa-học đến đâu đi nữa, ta nhận rằng chẳng những tâm-tánh ta hàng ngày cũng có

thề tự ta mà sửa đổi lần hồi; chính cái nghiệp ta về sau này, cũng có thề tự ta mà cải-hóa được nữa kia. Ai tạo nhơn nào, sẽ thọ quả ấy. Muốn thoát khỏi nỗi đời đau-khổ, đề đạt đến nơi cực-lạc, cũng tự trong nghị-lực mỗi người mà nên. Như thế không thề vị-kỳ mà tưởng-tượng những đấng thần-linh riêng cho ta và cho phe-đảng ta đề sinh lòng cố-chấp và đố-kỵ đối với người khác giáo. Trong cuộc tấn-hóa ấy, không ngạo-mạn, không ý-lại, tự mình tu-luyện cho mình. Ấy, những đức-tánh của nhà Phật-tử nói đó, há chẳng cũng là đức-tánh của nhà hướng-đạo nữa sao? Phật-giáo, cũng một tinh-thần với hướng-đạo, có thề nói đó là một khoa-học khắc-kỹ, trưởng-chí, tri-tâm làm cho người trở nên có cương-ngệ đề tự-chủ một cách hoàn-toàn. Nếu tôn-chỉ Phật-giáo chỉ chừng ấy, tưởng cũng đủ cho toàn-thề hướng-đạo-sinh vui-vẻ lui lại cái già-lam này.

Hướng nữa, trong cuộc chúng ta tự khép vào kỷ-luật Phật dạy, thì chúng ta đã tu-luyện theo những phương-pháp không xa luật hướng-đạo, nhất là đứng về phương-diện luân-ý cương-thường mà xét. Chính ở đây ta mới rõ những điều tương-hợp trong Phật-giáo với những qui-tắc của Cụ Bi-Bi, cho đến nỗi đã có người nói rằng đọc luật hướng-đạo mà ngõ nghe như cổ tiếng phản-thanh của Phật-pháp. Nói tóm lược mà nghe, Phật cốt-yếu dạy ta rằng muốn thoát sự lầm-lạc đề hầu đạt quả Phật, thì trước hết ta phải tập cho nhẹ-nhàng vui-vẻ thân-tâm ta, phải lần-hồi ly-đoạn các điều dục-vọng đề sống một đời trong-sạch và tăng-trưởng tinh-thần. Trong đạo Phật, giữ giới và trì trai không có ý-nghĩa gì khác. Nhưng trước hết muốn nhẹ-nhàng thân-tâm hầu lên cõi Phật thì phải hỷ-xả bao nhiêu mối vị-ngã, phải đem lòng thương người như thề thương thân, mong

cho cải hóa lợi-lạc chung quanh ta. Chủ-nghĩa đạo Phật là một giáo-lý hoạt-động, tích-cực, nhưng tích-cực và hoạt-động trong vòng bác-ái.

Xét đến đó, các anh em càng thấy rõ phạm-vi Phật-giáo trùng-hợp và có thể bao-hàm những qui-tắc hay-ho như qui-tắc hướng-đạo vậy. Anh em hướng-đạo đến với Phật-giáo không phải đến một khách-địa mà lại có thể bồi-bổ cho cái bản-lãnh nội giống ta và lợi-ích cho đường tu-học mỗi người.

Cứ những lời sơ-thiền thừa đó, đủ rõ Phật-giáo là một đạo-lý có liên-lạc, có hệ-thống, đầy-đủ tư-cách làm căn-bản cho người tìm đạo đề dựng cả đường đời mình cho vững-chãi, cho có ý-nghĩa, cho có thủy-chung cũng như giáo-thuyết ấy đủ làm kiên-cố thêm sự tu-luyện của trên hàng trăm triệu tín đồ đã gởi tâm-hồn trong cửa Phật trên hai ngàn năm nay, nhưng chưa hề gầy ra tấn-tuồng lưu-huyết.

Cụ Baden Powell bình-sinh đã sống một đời thanh-khiết hoàn-toàn, thờ một chủ-nghĩa vị-tha, chúng ta chắc rằng Cụ cũng như những đấng siêu-việt theo gương độc nhất của đức Phật Thích Ca, bản đã được hưởng cảnh thường-lạc cho nên trong khi chúng ta bụi-người niệm tưởng đến Cụ, đến công đức Cụ, chúng ta cũng nên an ủi lấy lòng mà chắc rằng chẳng những tinh-thần Cụ vẫn sống trong toàn-thể Hướng-đạo-sinh, mà chính Cụ cũng được siêu thăng về cõi Cực-lạc, y như sở-nguyện của chúng ta vậy.

Nam-mô A-Di-Đà Phật

TỔNG-TRỊ-SỰ ANNAM

PHẬT-HỌC-HỘI NĂM 1941

Ngày 13 Avril 1941, Tổng-hội-đồng hội Annam phật-học nhóm thường-niên tại chùa Hội-quán tỉnh-hội Thừa-thiên, đã bầu-cử ban Trị-sự năm 1941 như sau này :

Chánh-hội-trưởng	: Cù Hiệp Ung-Bàng
Phó-hội-trưởng	: Ông Viễn-Đệ
Đạo-hạnh Cố-vấn	: Ngài Tăng-cang Đắc-quang
Giáo-lý Kiểm-duyet	: Ông Lê-đình-Thám
Quản-trị Cố-vấn	: Cù Hiệp Nguyễn-đình-Hòa
Mỹ-thuật văn-chương Cố-vấn	: Ông Nguyễn-khoa-Toàn
Pháp-luật Cố-vấn	: Ông Trần-kiêm-Lý
Kiểm-lý ngân-sách	: Ông Phạm-hữu-Chuẩn
Chánh-thơ-ký	: Ông Đặng-ngọc-Sách
Phó-thơ-ký	: Ông Nguyễn-đăng-Minh
Chánh-chưởng-quĩ	: Ông Phạm-quang-Hoè
Phó-chưởng-quĩ	: Ông Phạm-quang-Thiện
Chưởng-thơ-tịch	: Ông Phạm-Bình
Kiểm-sát	: Ông Tôn-thất-Tùng
	Ông Hoàng-hữu-Khác
	Ông Lê-viết-Cửa
	Thầy Nguyễn-trí-Thủ
	Thầy Nguyễn-vinh-Thừa.

Trong niên-khoá 1941, ban Tổng-trị-sự chia ra năm tiểu-hội-đồng và bốn tiểu-ban, làm việc dưới sự kiểm-cố của Hội-Đồng thường-trực.

A. HỘI-ĐỒNG THƯỜNG-TRỰC gồm có :

Cụ Chánh-hội-trưởng Ung-Bàng
Ông Phó-hội-trưởng Viễn-Đệ
Ông Kiểm-ly ngân-sách Phạm-hữu-Chuẩn
Ông Chánh-thor-ký Đặng-ngọc-Sách
Ông Phó-thor-ký Nguyễn-Đảng-Minh
Ngài Quản-trị Cố-văn Nguyễn-dinh Tường-Công
Ngài Đạo-hạnh Cố-văn Đắc-Quang.

B. — TIÊU-HỘI-ĐỒNG

1) Tiêu-hội-đồng Hoảng-pháp gồm có :

Ông Giáo-ly Kiểm-duyet Lê-dinh-Thám
Ông chương-thor-tịch Phạm-Bình

2) Tiêu-hội-đồng Quản-trị gồm có :

Ông Pháp-luật Cố-văn Trần-kiêm-Lý
Các ông Kiểm-sát Hoàng-hữu-Khác, Lê-viết-Của

3) Tiêu-hội-đồng Mỹ-thuật và Giao-tiếp gồm có :

Ông Mỹ-thuật văn-chương Cố-văn Nguyễn-khoa-Toàn
Thầy Kiểm-sát Nguyễn-trí-Thủ

4) Tiêu-hội-đồng Công-tác và Lễ-nghi gồm có :

Các ông Kiểm-sát Tôn-thất-Tùng, Nguyễn-vĩnh-Thừa

5) Tiểu-hội-đồng Tài-chánh gồm có :

Ông Chánh-chưởng-quĩ Phạm-quang-Hòa

Ông Phó-chưởng-quĩ Phạm-quang-Thiện

C. — TIỂU-BAN

1.) Tiểu-ban Viên-âm gồm có :

Chủ-Nhiệm : Cụ Chánh-hội-trưởng Ung-Bàng

Chủ-Bút : Ông Lê-đình-Thám

Quản-Lý : Ông Phạm-quang-Hòa

Kiểm-Sát : Ông Tôn-thất-Tùng, Đặng-ngọc-Sách

2.) Tiểu-ban Tùng-thư gồm có :

Chủ-Bút : Ông Lê-đình-Thám

Quản-Lý : Ông Tôn-thất-Tùng

Ban-Viên : Ô.Ô. Viên-Đệ

Phạm-hữu-Chuẩn

Đặng-ngọc-Chương

Đặng-ngọc-Sách

Phan-quang-Quyền

Phạm-Bình

Phạm-quang-Hòa

Hoàng-hữu-Khác

3.) Tiểu-ban Trưởng-học gồm có :

Giám-độc Đạo-hành	:	Thầy Tăng-cang Đắc-quang
Đốc-giáo	:	Thầy Tri-Độ
Giáo-lý Kiểm-duyet	:	Ông Lê-dinh-Thám
Giáo-học	:	Thầy Phúc-Hộ
Chưởng-quĩ	:	Ông Phạm-quang-Thiện
Kiểm-khán	:	Ông Đinh-văn-Vinh

4.) Tiểu-ban Diễn-kịch gồm có :

Trưởng-ban	:	Ông Viên-Đệ
Thơ-ký	:	Ông Đặng-ngọc-Sách
Thơ-ký kế-toán	:	Ông Phạm-quang-Hòa
Cổ-văn	:	Ông Nguyễn-khoa-Toàn
Kiểm-sát	:	Ô.Ô. Lê-dinh-Thám
		Tôn-thất-Tùng
		Trần-kiêm-Lý
		Nguyễn-dăng-Minh
		Phạm-Bình
		• Lê-viết-Cửa



TIN-TỨC TRONG HỘI



Tỉnh-hội Hà-Tĩnh.— Ngày 23 Mars 1941, tỉnh-hội Hà-Tĩnh đã nhóm tại chùa Võ-Miếu đề bầu-cử ban Trị-Sự năm 1941, kết-quả như sau :

Chánh hội-trưởng	:	Ông Hoàng-văn-Ngôn
Phó hội-trưởng	:	— Hà-huy-Ba
Chánh thư-ký	:	— Phan-bình-An
Chánh chương-quĩ	:	— Hoàng-nghi-Lục
Kiểm-sát	:	— Kiều-Quyên
—	:	— Phan-văn-Tuyên
—	:	— Nguyễn-văn-Vây
—	:	— Nguyễn-hữu-Yêm
—	:	— Phan-xuân-Lai
—	:	— Dương-ngọc-Cư

Tỉnh-hội Dalat.— Ngày 8 Décembre 1940, tỉnh-hội Dalat đã nhóm tại chùa Sắc-Tử Linh-Quang đề bầu-cử ban-viên ban Trị-sự năm 1941, kết-quả như sau :

Chánh hội-trưởng	:	Ông Võ-đình-Dung
Phó hội-trưởng	:	— Nguyễn-minh-Tri
Cố-vấn trị-sự	:	— Ung-Thuần
Cố-vấn đạo-đức	:	— Nguyễn-hữu-Vĩnh
Chánh thư-ký	:	— Đỗ-Tuyên
Phó thư-ký	:	— Lâm-phước-Đức
Chánh chương-quĩ	:	— Tôn-thất-Chí
Phó chương-quĩ	:	— Huỳnh-ngọc-Suyễn
Kiểm-sát	:	— Nguyễn-văn-Tiến
—	:	— Đồ-phú-Ninh
—	:	— Nguyễn-phương-Toàn
—	:	— Phan-tấn-Cự
—	:	— Phan-phú-Huệ

Kiểm-sát	:	Ông Hồ-quang-Thủy
—	:	— Hồ-viết-Thụy
Nữ-kiểm-sát	:	Bà Phạm-khắc-Hòe
—	:	— Grimaldi
—	:	— Võ-dinh-Dung
—	:	— Nguyễn-hữu-Vĩnh
—	:	— Nguyễn-xuân-Cán
—	:	— Nguyễn-hữu-Má
—	:	— Phan-thị-Thê

Tỉnh-hội Bình-Thuận. — Ngày 26 tháng hai năm Bảo-Đại thứ 16 tức là ngày 23 Mars 1941, hội-viên tỉnh-hội Phật-học Bình-thuận đã nhóm đại-hội-đồng thường-niên đề bầu-cử ban Trị-sự năm 1941 kết-quả như sau này :

Chánh hội-trưởng	:	Ông Đoàn-Tá
Phó hội-trưởng	:	— Phạm-quang-Tá
Cố-vấn chánh-trị	:	— Trần-Trần
Chánh thơ-ký	:	— Lưu-bá-Chân
Phó thơ-ký	:	— Trần-Tiểu
Chánh chương-quĩ	:	— Phạm-ngọc-Thức
Phó chương-quĩ	:	— Trần-thiện-Hiệu
Kiểm-sát	:	— Nguyễn-nhật-Tuyên
—	:	— Trần-Gián
—	:	— Phan-dại-Cương
—	:	— Lê-văn-An
—	:	— Nguyễn-văn-Tân
—	:	— Hồ-văn-Nam
—	:	— Huỳnh-thiên-Tải
Nữ-kiểm-sát	:	Bà Võ-thị-Lang
Đạo-hành cố-vấn	:	Ngài Trang-quảng-Hưng hiệu Phật-Huệ

(còn nữa)

CUỘC XỔ SỐ ĐÔNG-PHÁP

NĂM 1941

(Sắc-lệnh ngày 5 tháng 1 năm 1941 — Nghị-dinh ngày 28 tháng 4 năm 1941).

Kỳ phát hành thứ hai: 1.200.000 vé

Chia ra làm **BỐN BỘ** (A-B-C và D) mỗi bộ **300.000 vé**, xổ ngày 4 tháng bảy, 4 tháng tám, 4 tháng chín và 4 tháng mười năm 1941.

MỖI BỘ CÓ:

9.000 số trúng	10\$
1.200 số trúng	15.
300 số trúng	20.
150 số trúng	50.
30 số trúng	100.
10 số trúng	500.
5 số trúng	1000.
1 số trúng	10.000.

Kỳ phát-hành thứ hai có ba lô lớn và chín lô an-ủi chung cho, bốn bộ:

1 lô	15.000\$
và ba lô an-ủi	50.
1 lô	25.000.
và ba lô an-ủi	100.
1 lô	100.000.
và ba lô an-ủi	500.

Kỳ xổ lấy ba lô lớn chung cho bốn bộ sẽ mở ngày 4 tháng mười năm 1941.

Lô nào trúng mà không lãnh trước ngày 4 tháng tư năm 1942 thì cuộc xổ số Đông-pháp được hưởng.

Mỗi vé của mỗi bộ đều nên giữ đến ngày 4 tháng mười năm 1941 để dự cuộc xổ lấy ba lô lớn.

BÀ CON AI NẤY ĐỀU TIN DÙNG **DẦU KHUYNH - DIỆP**

Là thứ dầu đã nổi tiếng 14 năm nay. Nhưng khéo kéo lắm các thứ dầu khác, vì họ thấy dầu *Khuynh - Diệp* bán hết sức chạy, mà đặt tên hoặc ra toa nhãn tương tự như *Khuynh - Diệp* để người vô ý phải lầm.

Khi sai người nhà đi mua dầu, nhớ đến kỷ mua đúng Dầu *Khuynh - Diệp* hiệu Viên-Đệ, nơi nhãn có vẽ hình ông già công chai dầu.

NHA - IN MIRADOR (VIÊN - ĐỆ)

TUY LÀ MỘT NHÁNH PHỤ CỦA HIỆU

KHUYNH - DIỆP

Lập ra cốt để in giấy-má, toa-nhãn cần dùng trong việc phát-hành các thứ dầu, nhưng nhà-in Mirador là một nhà in lớn, có đủ máy móc tối tân lại có nhiều lối chữ rất khéo. Công việc làm mau chóng và đẹp đẽ, giá cả khi nào cũng phải chăng, nên phần nhiều các việc in của các sở công, sở tư, thường giao cho Mirador làm cả.

Các tỉnh-hội Annam Phật-Học và các hội-viên, muốn in giấy-má, sổ-sách hoặc xuất-bản sách Phật, nhà in Mirador “Viên-Đệ” sẽ tính giá riêng.

Hiệu dầu *Khuynh-Diệp* và Nhà-in *Mirador*, cùng một chủ-nhân: *M. VIÊN-ĐỆ, Industriel, Hué.*

Thơ-từ, đề: **VIÊN-ĐỆ à Hué**; Giấy-thếp tấc: **VIENDE HUE**
Giấy-uối: **87**

PHẬT-HỌC TÙNG-THƯ

CỦA HỘI ANNAM PHẬT-HỌC (S. E. E. R. B. A.)

Xuất-bản ba loại sách :

Mục A : PHẬT-HỌC THƯỜNG-THỨC

Mục B : PHẬT-HỌC NGHIÊN - CỨU

Mục C : PHẬT-HỌC KINH - DIỄN

Đã xuất-bản

Mục A — Quyền 1 : PHẬT-GIAO và ĐỨC-ĐỤC

Giá 0\$10

Mục A — Quyền 2 : ĐỜI VUI

Giá 0\$10

Mục A — Quyền 3 : NGHĨA CHỮ « CHO »

Giá 0\$10

Mục B — Quyền 1 : THIÊN - AC QUẢ - BẢO

Giá 0\$15

Sắp xuất-bản :

Mục C — Quyền 1 : BÁC - NHÀ TÂM-KINH

Mục B — Quyền 2 : NHƠN - QUẢ LUẬN - HỒI

Mục C, xin cho các tình-hội và các chi-hội.

Có bài-vở, xin gửi cho :

Annam Phật-học-hội Tổng-trị-sự

Boite postale N° 73 à Huế.

Về phiên-trả tiền sách, xin đề tên :

Monsieur TÔN-THẮT-TÙNG

Voierie Huế.

Muốn cho tiện, các ngài có thể đặt trước 1\$ hoặc 2\$, mỗi lần sách ra chúng tôi xin gửi thẳng sách đến khi nào hết số tiền đặt trước (tiền sách và cước phí).

Visa de la Censure n° 661 du 15-7-41.